

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đính chính một phần nội dung trong Quyết định số  
4249/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2013; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành, giai đoạn 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 5308/SNN&PTNT-KL ngày 17/11/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính, thay đổi thông tin, số liệu tại Phụ biểu số V “Kế hoạch khai thác rừng trồng phòng hộ” ban hành kèm theo Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành, giai đoạn 2021-2030: *Chi tiết có Phụ biểu số V đính kèm.*

**Điều 2.** Các nội dung khác tại Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Công thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện: Thạch Thành, Hà Trung, Vĩnh Lộc, Ngọc Lặc, Bá Thước, Cẩm Thủy; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC120.11.21).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ biểu số V:**

**Kế hoạch khai thác rừng trồng phòng hộ  
Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành  
giai đoạn 2021 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-UBND ngày                    tháng                    năm 2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Khai thác cây phụ trợ</b>		<b>133,73</b>	
1	Năm 2022	Khoảnh: 5, 3, 9a - Tiểu khu 340	16,89	
		Khoảnh: 10, 10a, 9 - Tiểu khu 339	7,01	
		Khoảnh 19 - Tiểu khu 343	1,47	
		Khoảnh: 6, 4, 10, 7, 9b - Tiểu khu 341	53,33	
		Khoảnh: 3A, 4B, 1C, 5, 5B - Tiểu khu 464	14,71	
2	Năm 2023	Khoảnh: 10, 11, 6, 9b - Tiểu khu 341	13,32	
		Khoảnh: 10, 11, 12a, 12b, 19 - Tiểu khu 343	25,19	
		Khoảnh 3 - Tiểu khu 340	1,81	
<b>II</b>	<b>Khai thác đường băng xanh cảnh lửa</b>		<b>26,46</b>	
1	2022	Khoảnh: 1, 2, 3B, 4 - Tiểu khu 466; khoảnh 1, 4B - Tiểu khu 464	12,8	
2	2023	Khoảnh: 1B, 1C, 2, 4A, 5, 5B - Tiểu khu 464	7,41	
3	2024	Khoảnh: 2, 4A, 5, 5B - Tiểu khu 464	5,55	
4	2025	Khoảnh 7 - Tiểu khu 464	0,7	
<b>III</b>	<b>Khai thác tỉa thưa</b>		<b>392,81</b>	
1	Năm 2022	Khoảnh: 10a, 4, 7a - Tiểu khu 353	89,59	
		Khoảnh: 9b, 7 - Tiểu khu 341	10,63	
		Khoảnh 12a, 19 - Tiểu khu 343	25,68	
		Khoảnh 3A, 7A - Tiểu khu 464	44,00	
2	Năm 2023	Khoảnh 5, 10a - Tiểu khu 353	66,51	
		Khoảnh 7 - Tiểu khu 464	10,00	
3	Năm 2024	Khoảnh: 5, 10a - Tiểu khu 353	57,6	
		Khoảnh: 2, 1B - Tiểu khu 464	23,80	
4	Năm 2025	Khoảnh 4, 7a, 10a - Tiểu khu 353	65,00	
<b>IV</b>	<b>Khai thác rừng trồng phòng hộ theo đám</b>		<b>308,8</b>	
1	2022	Khoảnh: 2, 3A, 3B, 4A, 4B, 5B, 5 - Tiểu khu 464; khoảnh 1, 2, 3, 4 - Tiểu khu 466	100,8	
2	2023	Khoảnh: 2, 3A, 4B, 5B, 5 - Tiểu khu 464; khoảnh 1, 2 - Tiểu khu 466	50,1	
3	2025	Khoảnh: 1A, 6, 7 - Tiểu khu 345;	7,0	
4	2028	Khoảnh: 2, 3A, 4B, 5B, 5 - Tiểu khu 464; khoảnh 1, 2 - Tiểu khu 466	49,6	
5	2029	Khoảnh: 3A, 3B, 4A, 4B, 5B, 5 - Tiểu khu 464; khoảnh: 1, 2, 3, 4 - Tiểu khu 466	51,2	
6	2030	Khoảnh: 2, 3A, 4B, 5B, 5 - Tiểu khu 464; khoảnh: 1, 2 - Tiểu khu 466	50,1	